

THE ROLE OF PAIR AND GROUP ACTIVITIES IN IMPROVING ENGLISH SPEAKING SKILLS FOR NON-MAJOR STUDENTS AT TAN TRAO UNIVERSITY

Phạm Thục Anh^{1,*}
Tan Trao University, Tuyen Quang Province, Vietnam
Email address: thucanhcdtq@gmail.com, PTAnh@tqu.edu.vn
*Corresponding Author: Phạm Thục Anh
<https://doi.org/10.51453/3093-3706/2025/1388>

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	07/11/2025	The goal of teaching a foreign language is to help learners develop communication skills, use foreign languages as a tool to access knowledge, culture, and work in an integrated environment. Recognizing the importance of developing communication skills for students, teachers are always actively innovating to find appropriate methods for each group of learners. However, developing English speaking skills for non-major students is still a big challenge in the context of higher education. At Tan Trao University, students often face difficulties in vocabulary, confidence and real communication opportunities. Pair and group activities are considered effective solutions to increase interaction, expand speaking time and develop communication skills. This article analyzes the theoretical basis, pair and group activity models, common difficulties and practical solutions to improve English speaking skills for non-major students. The results showed that when designed appropriately, pair and group activities not only create a supportive learning environment, reducing anxiety, but also significantly improve learners' fluency, accuracy and readiness to communicate.
Revised:	14/12/2025	
Published:	28/12/2025	
KEYWORDS		
Competence; Environment; Pair and group activities; Improvement; Communication.		

VAI TRÒ CỦA HOẠT ĐỘNG CẶP VÀ NHÓM TRONG VIỆC NÂNG CAO KỸ NĂNG NÓI TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

Phạm Thục Anh^{1,*}
Trường Đại học Tân Trào, Việt Nam
Địa chỉ email: thucanhcdtq@gmail.com, PTAnh@tqu.edu.vn
*Tác giả liên hệ: Phạm Thục Anh
<https://doi.org/10.51453/3093-3706/2025/1388>

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 07/11/2025 Ngày hoàn thiện: 14/12/2025 Ngày đăng: 28/12/2025	Mục tiêu của việc dạy học ngoại ngữ là giúp người học phát triển năng lực giao tiếp, sử dụng ngoại ngữ như một công cụ để tiếp cận kiến thức, văn hóa, và làm việc trong môi trường hội nhập. Nhận thức được tầm quan trọng của phát triển năng lực giao tiếp cho sinh

TỪ KHÓA

Năng lực;
Môi trường;
Hoạt động cặp và nhóm;
Cải thiện;
Giao tiếp.

viên, các nhà thầy cô giáo luôn tích cực đổi mới để tìm những phương pháp phù hợp cho từng đối tượng người học. Tuy nhiên, việc phát triển kỹ năng nói tiếng Anh cho sinh viên không chuyên vẫn là một thách thức lớn trong bối cảnh giáo dục đại học. Tại Trường Đại học Tân Trào, sinh viên thường gặp khó khăn về vốn từ vựng, sự tự tin và cơ hội giao tiếp thực tế. Hoạt động cặp và nhóm được xem là giải pháp hữu hiệu giúp tăng cường tương tác, mở rộng thời gian nói và phát triển năng lực giao tiếp. Bài viết này phân tích cơ sở lý luận, các mô hình hoạt động cặp, nhóm, những khó khăn thường gặp và các giải pháp thực tiễn nhằm cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh cho sinh viên không chuyên. Kết quả cho thấy khi được thiết kế phù hợp, các hoạt động cặp và nhóm không chỉ tạo môi trường học tập hỗ trợ, giảm lo lắng mà còn nâng cao đáng kể độ trôi chảy, độ chính xác và sự sẵn sàng giao tiếp của người học.

1. Giới thiệu

Tiếng Anh hiện nay đóng vai trò là ngôn ngữ chung trong giao tiếp toàn cầu, thương mại và học thuật. Ở Việt Nam, năng lực tiếng Anh ngày càng được xem như yếu tố then chốt giúp sinh viên nâng cao cơ hội việc làm và hội nhập quốc tế (Nguyen & Pham, 2020). Tuy nhiên, sinh viên không chuyên tiếng Anh thường gặp nhiều khó khăn trong việc phát triển kỹ năng nói dù đã trải qua nhiều năm học (Tran, 2021).

Tại Trường Đại học Tân Trào – một cơ sở giáo dục đại học miền núi phía Bắc – tiếng Anh là môn học bắt buộc đối với tất cả các ngành đào tạo. Tuy vậy, nhiều sinh viên coi đây là môn phụ, ít liên quan đến chuyên ngành, dẫn đến động lực học tập thấp. Lớp học đông, phương pháp giảng dạy thiên về truyền đạt của giáo viên và quỹ thời gian hạn chế khiến cơ hội giao tiếp thực tế bị thu hẹp, làm giảm hiệu quả phát triển kỹ năng nói.

Trong bối cảnh đó, hoạt động cặp và nhóm, một thành tố quan trọng của phương pháp dạy học giao tiếp (Communicative Language Teaching – CLT), được khẳng định là giải pháp giúp tăng thời gian thực hành nói, khuyến khích hợp tác và phát triển năng lực giao tiếp (Harmer, 2015). Bài viết này tập trung phân tích vai trò của hoạt động cặp và nhóm trong việc cải thiện kỹ năng nói của sinh viên không chuyên tại Trường Đại học Tân Trào, bao gồm tổng quan nghiên cứu, cơ sở lý luận, mô hình triển khai, khó khăn và đề xuất giải pháp.

2. Các nghiên cứu liên quan

Trên thế giới, việc sử dụng hoạt động cặp (pair work) và nhóm (group work) đã được nghiên cứu rộng rãi trong khuôn khổ Phương pháp dạy học giao tiếp (CLT). Các học giả như Harmer (2015) và Scrivener (2011) nhấn mạnh rằng các hoạt động này giúp tối đa hóa thời gian nói của người học (STT) và giảm bớt sự chi phối của giáo viên (TTT). Tại Việt Nam, nhiều nghiên cứu của Pham (2014) hay Le & Do (2018) cũng đã chỉ ra tính hiệu quả của học tập hợp tác trong môi trường đại học. Tuy nhiên, các nghiên cứu tập trung cụ thể vào đối tượng sinh viên không chuyên tại các trường đại học khu vực miền núi phía Bắc – nơi có những đặc thù về trình độ đầu vào và rào cản tâm lý dân tộc – còn khá hạn chế. Đặc biệt, các nghiên cứu gần đây tại Việt Nam đã đi sâu vào khía cạnh "Sự sẵn sàng giao tiếp" (Willingness to Communicate - WTC). Trinh (2024) chỉ ra rằng đối với sinh viên không chuyên, hoạt động nhóm đóng vai trò như một "vùng an toàn" (safe zone), nơi người học ít bị áp lực bởi sự đánh giá của giảng viên, từ đó giảm thiểu sự lo âu ngôn ngữ (language anxiety). Điều này đặc biệt có ý nghĩa đối với sinh viên Trường Đại học Tân Trào – nơi yếu tố tâm lý và sự e dè trong giao tiếp thường là rào cản lớn nhất. Thêm vào đó, nghiên cứu của Nguyen (2023) về giảng dạy tiếng Anh tại các khu vực miền núi phía Bắc cho thấy, việc lồng ghép các yếu tố văn hóa địa phương vào nhiệm vụ nhóm giúp sinh viên cảm thấy gần gũi và có động lực thảo luận hơn. Việc kế thừa các kết quả này cho phép bài viết không chỉ dừng lại ở lý luận chung của CLT mà còn đi sâu vào giải quyết các vấn đề đặc thù về địa lý và nhân

chúng học trong giảng dạy ngoại ngữ. Bài viết này kế thừa các lý thuyết về CLT và tập trung khảo sát thực tiễn tại Đại học Tân Trào để đưa ra giải pháp đặc thù.

3. Cơ sở lý luận

3.1. Khái niệm

Hoạt động cặp, nhóm là phương pháp tổ chức lớp học mà học sinh làm việc với một bạn (hoạt động cặp) hoặc một nhóm nhỏ (hoạt động nhóm) để cùng thảo luận, nghiên cứu, và hoàn thành nhiệm vụ học tập, giúp tăng cường tương tác, giao tiếp và xây dựng kiến thức tập thể. Theo (Harmer, 2015) Hoạt động cặp là hình thức hai sinh viên hợp tác để thực hiện một nhiệm vụ giao tiếp như đóng vai, hỏi – đáp, hoặc điền thông tin. Hoạt động nhóm thường gồm ba người trở lên cùng làm việc để giải quyết một nhiệm vụ chung như thảo luận, tranh luận hoặc chuẩn bị bài thuyết trình. Theo Harmer, cả hai đều thuộc phạm trù học tập hợp tác (cooperative learning) với các nguyên tắc: phụ thuộc lẫn nhau tích cực, trách nhiệm cá nhân và tương tác thúc đẩy. Theo Johnson, 1999, hoạt động nhóm là một hình thức dạy học trong đó học sinh không làm việc cá nhân đơn lẻ mà là làm việc tập thể dưới sự hướng dẫn của giáo viên, trong hoạt động nhóm có nhiều mối quan hệ giao tiếp: giữa các học sinh với nhau, giữa giáo viên với từng học sinh. Hoạt động nhóm đang được ngành giáo dục quan tâm vì tác dụng đặc biệt của nó trong việc hình thành nhân cách con người mới năng động sáng tạo, có khả năng giao tiếp và hợp tác.

3.2. Tầm quan trọng của hoạt động cặp và nhóm

Hoạt động cặp và nhóm đóng vai trò then chốt trong việc phát triển kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên không chuyên, đặc biệt trong các lớp học đông và thời lượng hạn chế. *Thứ nhất*, hình thức này tối đa hóa thời gian nói của người học (Student Talking Time). Nếu chỉ luyện tập theo mô hình cả lớp, mỗi sinh viên chỉ có rất ít cơ hội để phát biểu. Khi làm việc theo cặp hoặc nhóm nhỏ, nhiều lượt trao đổi diễn ra đồng thời, giúp sinh viên thực hành cấu trúc ngữ pháp, vốn từ và phát âm nhiều hơn trong cùng một khoảng thời gian.

Thứ hai, hoạt động cặp nhóm tạo môi trường giao tiếp an toàn và giảm áp lực tâm lý. Việc tương tác với bạn bè thay vì phát biểu trước cả lớp giúp người học bớt lo lắng, mạnh dạn thử nghiệm cách diễn đạt mới và sẵn sàng chấp nhận rủi ro về ngôn ngữ. Đây là yếu tố quan trọng đối với sinh viên không chuyên vốn thường thiếu tự tin khi nói tiếng Anh.

Thứ ba, các nhiệm vụ cặp nhóm thúc đẩy đàm phán ý nghĩa – quá trình sinh viên lắng nghe, yêu cầu làm rõ, hoặc diễn giải lại để hiểu nhau. Hoạt động này cung cấp đầu vào dễ hiểu và kích thích đầu ra ngôn ngữ chính xác hơn, qua đó phát triển độ trôi chảy và năng lực giao tiếp thực tế. Ngoài ra, làm việc hợp tác còn khuyến khích tinh thần hỗ trợ và học hỏi lẫn nhau, giúp người học yếu được bạn bè bổ sung kiến thức và phản hồi ngay lập tức.

Nhờ những lợi ích này, hoạt động cặp và nhóm trở thành công cụ hiệu quả không chỉ để luyện nói mà còn để phát triển các kỹ năng mềm như hợp tác, lắng nghe và tư duy phản biện, đáp ứng yêu cầu đào tạo sinh viên năng động, tự tin trong môi trường hội nhập.

3.3. Các mô hình áp dụng hoạt động cặp và nhóm phổ biến

Trong bối cảnh giảng dạy tiếng Anh như ngoại ngữ, đặc biệt với sinh viên không chuyên, việc tổ chức các hoạt động nhóm đa dạng và phù hợp đóng vai trò quyết định đến hiệu quả rèn luyện kỹ năng nói. Dưới đây là một số **mô hình hoạt động nhóm phổ biến** cùng phân tích về ưu điểm, hạn chế và cách triển khai.

3.3.1. Hoạt động điền thông tin (Information Gap)

Đây là hình thức trong đó mỗi thành viên hoặc mỗi nhóm sở hữu một phần thông tin khác nhau và phải trao đổi để hoàn thành nhiệm vụ chung, chẳng hạn như tìm đường trên bản đồ, hoàn thành bảng thời gian, hay ghép các mảnh câu chuyện. Mô hình này buộc sinh viên sử dụng tiếng Anh để chia sẻ và yêu cầu thông tin, từ đó phát triển khả năng đặt câu hỏi, diễn đạt yêu cầu và xác nhận thông tin. Điểm mạnh là tạo ra nhu cầu giao tiếp tự nhiên, nhưng giáo viên cần thiết kế tài liệu cẩn thận để tránh việc sinh viên chỉ đọc chép thông tin mà thiếu tương tác thực sự.

3.3.2. Đóng vai và giả lập (Role-play/Simulation)

Sinh viên được phân công nhập vai trong các tình huống quen thuộc như đặt phòng khách sạn, phỏng vấn xin việc, hay trao đổi mua bán. Hoạt động này khuyến khích người học sáng tạo ngôn ngữ, ứng biến theo ngữ cảnh và luyện tập các mẫu câu thông dụng trong đời sống. Ngoài việc tăng tính thực hành, đóng vai còn rèn luyện kỹ năng mềm như giao tiếp ứng xử và quản lý cảm xúc. Tuy nhiên, với những người nhút nhát, giáo viên nên hỗ trợ bằng cách cung cấp từ vựng gợi ý hoặc cho phép chuẩn bị trước.

3.3.3. Think–Pair–Share (Suy nghĩ – Cặp đôi – Chia sẻ)

Mô hình này gồm ba bước: sinh viên suy nghĩ cá nhân về câu hỏi, thảo luận với bạn bên cạnh, rồi chia sẻ ý kiến với cả lớp. Cách tiếp cận này **b**, giúp người học tổ chức ý tưởng trước khi nói và tự tin hơn khi trình bày. Think–Pair–Share đặc biệt phù hợp với các chủ đề thảo luận mở hoặc câu hỏi yêu cầu phân tích, vì nó tạo thời gian cho mọi người chuẩn bị.

3.3.4. Jigsaw (Ghép hình thông tin)

Trong hoạt động này, mỗi nhóm nhỏ được giao một phần kiến thức khác nhau của chủ đề lớn, sau đó các thành viên di chuyển sang nhóm “ghép hình” để chia sẻ thông tin và hoàn thiện bức tranh tổng thể. Jigsaw thúc đẩy tinh thần phụ thuộc lẫn nhau tích cực, vì mỗi thành viên đều nắm giữ mảnh ghép quan trọng mà nhóm khác cần. Đây là phương pháp hiệu quả để rèn kỹ năng tóm tắt, giải thích và đặt câu hỏi, nhưng đòi hỏi sự chuẩn bị kỹ lưỡng từ giáo viên về nội dung và thời gian.

3.3.5. Thảo luận/Tranh luận nhóm (Group Discussion/Debate)

Sinh viên làm việc theo nhóm để bàn bạc hoặc tranh luận về một vấn đề như “Nên hay không nên bắt buộc học tiếng Anh trong trường đại học”. Hoạt động này giúp rèn kỹ năng diễn đạt quan điểm, lập luận và phản biện, đồng thời mở rộng vốn từ vựng học thuật. Để tránh tình trạng một số thành viên chiếm ưu thế, giáo viên có thể phân vai như điều phối viên, ghi chép, hay người phản biện nhằm đảm bảo mọi người đều tham gia.

3.3.6. Dự án nhóm nhỏ (Mini-project)

Sinh viên hợp tác để hoàn thành một sản phẩm cụ thể như bài thuyết trình, video phỏng vấn, hoặc báo cáo điều tra. Quá trình chuẩn bị và trình bày đòi hỏi nhiều tương tác dài hạn, từ đó phát triển cả kỹ năng nói, kỹ năng tổ chức và hợp tác. Điểm mạnh là tạo môi trường học tập gắn với thực tế, song cần nhiều thời gian và sự hỗ trợ từ giáo viên về tiến độ và tiêu chí đánh giá.

Mỗi mô hình trên mang ưu điểm riêng, nhưng điểm chung là đều tạo cơ hội cho người học giao tiếp thực sự trong môi trường an toàn, giàu tương tác, từ đó phát triển độ trôi chảy, độ chính xác và khả năng sử dụng ngôn ngữ trong tình huống đa dạng. Khi áp dụng, giáo viên nên cân nhắc mục tiêu bài học, trình độ sinh viên, thời lượng và không gian lớp để lựa chọn hoặc kết hợp các mô hình phù hợp, đồng thời chuẩn bị kỹ lưỡng về hướng dẫn, tài liệu và tiêu chí đánh giá nhằm tối đa hóa hiệu quả của hoạt động nhóm.

4. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu sau:

Phương pháp định lượng: Tiến hành khảo sát bằng bảng hỏi (Survey) đối với 150 sinh viên không chuyên tại 3 lớp tín chỉ tiếng Anh 1 tại Trường Đại học Tân Trào nhằm đánh giá thái độ và mức độ tham gia hoạt động cặp/nhóm.

Phương pháp định tính: Quan sát lớp học (Observation) và phỏng vấn sâu một số giảng viên tiếng Anh để tìm hiểu những khó khăn thực tế trong quản lý lớp học.

Việc giảng dạy thực nghiệm cũng đã được tiến hành trên 50 sinh viên lớp tín chỉ tiếng Anh 17 để xem xét hiệu quả của các hoạt động này.

5. Kết quả nghiên cứu

Bảng 1: Kết quả khảo sát thực trạng trước thực nghiệm (N=150)

Bảng này đánh giá thái độ và khó khăn hiện tại của sinh viên không chuyên

STT	Nội dung khảo sát	Kết quả (Số SV đồng ý)	Kết quả (%)
1	Cảm thấy lo lắng, sợ sai khi phải nói tiếng Anh trước lớp.	98	65%
2	Thời lượng tương tác cặp/nhóm trong tiết học còn ít (<	105	70%

	30%).		
3	Thường xuyên sử dụng tiếng Việt khi thảo luận nhóm.	105	70%
4	Sĩ số lớp đông (40-50 SV) gây khó khăn cho việc luyện nói.	120	80%
5	Coi tiếng Anh là môn phụ, thiếu động lực luyện tập.	90	60%

Số liệu cho thấy một thực trạng đáng quan tâm tại Đại học Tân Trào: rào cản tâm lý (65% lo lắng) và thói quen sử dụng tiếng mẹ đẻ (70%) đang kìm hãm năng lực giao tiếp của sinh viên. Đặc biệt, việc thiếu thời gian tương tác thực tế và sĩ số lớp quá đông (80% sinh viên đồng ý) là nguyên nhân khách quan khiến kỹ năng nói khó được cải thiện. Điều này chứng minh rằng việc thay đổi phương pháp tổ chức lớp học là vô cùng cấp thiết.

Bảng 2: So sánh sự tự tin và sẵn sàng giao tiếp sau thực nghiệm

Bảng này so sánh kết quả tự đánh giá của sinh viên lớp Thực nghiệm (N=50) trước và sau khi áp dụng các mô hình Jigsaw, Role-play.

STT	Chỉ số đánh giá	Trước thực nghiệm (%)	Sau thực nghiệm (%)	Độ chênh (%)
1	Sự tự tin khi giao tiếp bằng tiếng Anh	35%	75%	+40%
2	Mức độ sẵn sàng tham gia hoạt động nói	40%	85%	+45%
3	Khả năng chấp nhận rủi ro (không sợ mắc lỗi)	30%	70%	+40%
4	Kỹ năng hỗ trợ và phản hồi cho bạn học	25%	80%	+55%

Bảng 3: Kết quả khảo sát thực trạng từ Giảng viên (N=8)

STT	Khó khăn thực tế trong quản lý lớp học	Số GV đồng ý	Tỷ lệ (%)
1	Sĩ số lớp quá đông (40-50 SV) gây khó khăn khi di chuyển và quan sát các nhóm.	8	100%
2	Sinh viên có xu hướng lạm dụng tiếng Việt khi giảng viên không có mặt tại nhóm.	8	100%
3	Trình độ sinh viên không đồng đều khiến việc phân chia nhiệm vụ nhóm khó cân bằng.	7	87.5%
4	Tiếng ồn từ việc thảo luận nhóm đôi khi gây ảnh hưởng đến các lớp học xung quanh.	6	75%
5	Quỹ thời gian tiết học hạn hẹp không đủ để thực hiện đầy đủ các bước (Pre-While-Post).	6	75%
6	Khó khăn trong việc đánh giá chính xác đóng góp cá nhân của từng sinh viên.	5	62.5%

Từ bảng số liệu trên ta thấy tất cả giảng viên đều khẳng định sĩ số lớp đông là rào cản lớn nhất. Với 40-50 sinh viên, không gian lớp học trở nên chật chội, khiến việc giảng viên di chuyển đến từng nhóm để hỗ trợ (monitoring) trở nên rất khó khăn. Điều này dẫn đến khó khăn tiếp theo là việc sinh viên tự ý dùng tiếng Việt (100%) vì họ biết giảng viên không thể kiểm soát hết tất cả các nhóm cùng lúc; Đa

số giảng viên lo ngại về việc sinh viên khá giỏi thường "lẩn lút" hoặc làm thay phần của các bạn yếu hơn. Điều này khiến mục tiêu "phát triển kỹ năng nói cho mọi sinh viên" bị ảnh hưởng, người yếu ngày càng thụ động. Đây là những khó khăn mang tính kỹ thuật. Giảng viên thường phải đối mặt với áp lực hoàn thành giáo trình trong khi các hoạt động giao tiếp nhóm thường tiêu tốn nhiều thời gian hơn dự kiến. Tiếng ồn trong giờ thảo luận đôi khi bị coi là "mất trật tự" trong môi trường sư phạm truyền thống, gây áp lực tâm lý cho người dạy. Một số giảng viên cảm thấy lúng túng khi phải cho điểm cá nhân dựa trên một sản phẩm chung của nhóm, dẫn đến việc đánh giá đôi khi chưa phản ánh đúng năng lực thực sự của từng em.

6. Một số khuyến nghị để hoạt động cặp, nhóm hiệu quả

Những khó khăn trên không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng giờ học mà còn làm giảm hứng thú và động lực của sinh viên. Để nâng cao hiệu quả, nhà trường và giảng viên cần nhận diện rõ các vấn đề này để từ đó có giải pháp thích hợp.

Đối với nhà trường, phòng đào tạo cần điều chỉnh sĩ số lớp, phân lớp theo trình độ, thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo chuyên môn nhằm bồi dưỡng phương pháp giảng dạy cho giảng viên... Đối với giảng viên, cần chủ động, tích cực trau dồi cả kiến thức chuyên môn và phương pháp giảng dạy, dự giờ, chia sẻ kinh nghiệm về thiết kế hoạt động và quản lý lớp, đưa việc tham gia tích cực, hiệu quả của hoạt động cặp/nhóm vào tiêu chí đánh giá kết quả của người học.

Để tổ chức một tiết dạy nói áp dụng phương pháp cặp, nhóm hiệu quả, giáo viên có thể triển khai ba giai đoạn: Pre-speaking – While-speaking – Post-speaking, mỗi giai đoạn gắn với mục tiêu rõ ràng và hình thức cặp/nhóm phù hợp theo các tiêu chí sau:

- + **Pre-speaking:** Kích hoạt kiến thức + cung cấp từ/cấu trúc (brainstorming, matching, mini-dialogue).
- + **While-speaking:** Thực hành giao tiếp tối đa (role-play, information gap, problem-solving).
- + **Post-speaking:** Chia sẻ kết quả, nhận phản hồi, sửa lỗi ngôn ngữ.

Một số lưu ý để hoạt động cặp/nhóm đạt hiệu quả

Để hoạt động cặp hoặc nhóm trong giờ học tiếng Anh thật sự mang lại hiệu quả, giáo viên cần lưu ý một số điểm quan trọng. Trước hết, việc định rõ thời gian và sản phẩm đầu ra là yếu tố cần thiết. Nếu không có giới hạn thời gian cụ thể, học sinh thường mất tập trung hoặc kéo dài phần thảo luận mà không đi đến kết quả. Vì vậy, giáo viên nên ghi rõ trên bảng, ví dụ: “Bạn có 3 phút chuẩn bị, 5 phút thảo luận, 1 phút báo cáo.” Cách hướng dẫn cụ thể như vậy giúp sinh viên hiểu rõ tiến trình công việc, biết mình cần làm gì và khi nào phải hoàn thành. Đồng thời, việc xác định “sản phẩm đầu ra” như một đoạn hội thoại, một câu trả lời hay một tờ ghi chú nhóm sẽ giúp người học có mục tiêu rõ ràng khi tham gia hoạt động.

Thứ hai, phân nhóm linh hoạt cũng là yếu tố quan trọng quyết định hiệu quả của hoạt động. Giáo viên nên thay đổi cách chia nhóm thường xuyên, luân phiên giữa nhóm mạnh – yếu để tạo điều kiện hỗ trợ lẫn nhau. Khi học sinh yếu được làm việc cùng bạn giỏi, các em có cơ hội học hỏi, bắt chước cách sử dụng ngôn ngữ; ngược lại, người học tốt hơn cũng củng cố kiến thức khi phải diễn đạt và giải thích cho bạn.

Cuối cùng, đánh giá nhẹ nhàng là cách khuyến khích sinh viên tham gia tích cực hơn. Thay vì chỉ chấm điểm kết quả cuối cùng, giáo viên nên quan tâm đến quá trình tham gia (participation). Việc ghi nhận, khen ngợi hoặc cho điểm cộng cho tinh thần hợp tác và nỗ lực nói sẽ giúp sinh viên tự tin, thoải mái và chủ động hơn trong các hoạt động nói tiếng Anh.

Ví dụ trong tiết dạy speaking “*Ordering food at a restaurant*” – trình độ Pre-Intermediate, 50 phút), giảng viên có thể thiết kế như sau:

1. Pre-speaking (Chuẩn bị – 10–15 phút)

Mục tiêu: Gợi nhớ kiến thức nền, cung cấp ngôn ngữ cần thiết (từ vựng, mẫu câu, cấu trúc) và tạo động lực.

Hoạt động cặp/nhóm áp dụng:

- + Brainstorming theo nhóm 4: Giáo viên chia lớp thành các nhóm nhỏ, yêu cầu liệt kê các món ăn, đồ uống phổ biến và các tình huống khi vào nhà hàng.
- + Matching hoặc Bingo cặp đôi: Học viên ghép từ với tranh hoặc nghe và đánh dấu các cụm từ liên quan (ví dụ: *menu, bill, starter, dessert*).
- + Mini-dialogue practice: Mỗi cặp luyện tập những câu giao tiếp cơ bản do giáo viên cung cấp (*Can I take your order?, I'd like..., Could we have the bill, please?*).

Vai trò của giáo viên: Cung cấp *language bank* (bảng từ/cấu trúc), sửa phát âm nhanh, khích lệ mọi thành viên tham gia.

2. While-speaking (Thực hành – 20–25 phút)

Mục tiêu: Tạo cơ hội nói nhiều nhất, phát triển độ trôi chảy và khả năng tương tác.

Hoạt động cặp/nhóm áp dụng:

1. Role-play (cặp đôi)

- Một sinh viên đóng vai khách, một sinh viên đóng vai phục vụ.
- Giáo viên chuẩn bị “menu card” và tình huống (ví dụ: khách ăn chay, khách muốn hỏi giá).
- Các cặp thực hành đồng thời, đổi vai sau 3–5 phút.

2. Information gap (nhóm 3–4)

- Mỗi thành viên nhận menu khác nhau (thiếu một số thông tin).
- Nhiệm vụ: hỏi–đáp để hoàn chỉnh thông tin, sau đó chọn món ăn chung cho cả nhóm.

3. Problem-solving discussion (nhóm 4)

- Đặt tình huống: “Nhà hàng hết món chính, bạn cần đề xuất món thay thế” Lúc này nhóm sẽ thảo luận nhanh và báo cáo giải pháp.

Vai trò của giáo viên:

Di chuyển quan sát, ghi chú lỗi ngữ pháp, phát âm, và mức độ tương tác; Khích lệ các nhóm sử dụng “English only”; Hỗ trợ nhóm yếu bằng gợi ý từ hoặc câu hỏi dẫn dắt, nhưng tránh cắt ngang cuộc trò chuyện.

3. Post-speaking (Tổng kết – 10 phút)

Mục tiêu: Củng cố, phản hồi và mở rộng kỹ năng.

Hoạt động cặp/nhóm áp dụng:

Group reporting: Mỗi nhóm cử một “reporter” trình bày trải nghiệm hoặc “best order” trước lớp.

Peer feedback: Các cặp/nhóm khác ghi nhanh nhận xét về độ trôi chảy, dùng từ, phát âm (dựa trên rubric đơn giản).

focus: Giáo viên ghi các lỗi phổ biến hoặc câu nói hay lên bảng → cả lớp cùng sửa/chia sẻ cách diễn đạt tốt hơn.

7. Kết luận

Hoạt động cặp và nhóm là công cụ hữu hiệu giúp cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh cho sinh viên không chuyên tại Trường Đại học Tân Trào. Việc tăng thời gian nói, tạo cơ hội thảo luận ý nghĩa và giảm áp lực tâm lý giúp sinh viên tự tin và chủ động hơn trong giao tiếp. Để hoạt động đạt hiệu quả cao, nhà trường và giảng viên cần chú trọng khâu thiết kế nhiệm vụ, bồi dưỡng chuyên môn và điều chỉnh phương pháp đánh giá. Nghiên cứu tiếp theo có thể tập trung đo lường mức tăng về độ trôi chảy, chính xác hoặc khảo sát thái độ của sinh viên sau thời gian dài áp dụng. Trong bối cảnh tiếng Anh ngày càng

quan trọng cho học tập và nghề nghiệp, việc phát huy tối đa lợi thế của hoạt động cặp và nhóm sẽ góp phần nâng cao năng lực giao tiếp cho sinh viên không chuyên, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Harmer, J. (2015). *The Practice of English Language Teaching* (5th ed.). Pearson Education.
2. Jacobs, G., & Hall, S. (2002). Implementing cooperative learning. In J. Richards & W. Renandya (Eds.), *Methodology in language teaching* (pp. 52–58). Cambridge University Press.
3. Johnson, D. W., & Johnson, R. T. (1999). *Learning together and alone: Cooperative, competitive, and individualistic learning* (5th ed.). Allyn & Bacon.
4. Le, T. T., & Do, H. T. (2018). Challenges in implementing group work activities in Vietnamese EFL classrooms. *VNU Journal of Foreign Studies*, 34(2), 45–57.
5. Nguyen, T. M., & Pham, L. H. (2020). English proficiency and employability in Vietnam: Current trends and implications. *Journal of Language and Education*, 6(4), 65–75.
6. Nguyen, T. T., & Tran, T. Q. (2019). Group discussion and willingness to communicate among Vietnamese EFL learners. *Asian EFL Journal*, 21(2), 120–140.
7. Pham, T. H. (2014). The effects of pair work on Vietnamese EFL learners' comprehensible output. *English Language Teaching*, 7(2), 30–40.
8. Sato, M., & Ballinger, S. (2016). Peer interaction and second language learning: Pedagogical implications and research findings. John Benjamins.
9. Storch, N. (2007). Investigating the merits of pair work on a text-editing task in ESL classes. *Language Teaching Research*, 11(2), 143–159.
10. Swain, M. (2013). The inseparability of cognition and emotion in second language learning. *Language Teaching*, 46(2), 195–207.
11. Tran, T. H. (2021). Difficulties in developing speaking skills among non-English majors in Vietnamese universities. *Journal of Education and Practice*, 12(3), 55–63.
12. Trinh, V. T. T., & Trinh, Q. L. (2024). Promoting Speaking Skills through Group-work Activities: A Case Study of Non-English Majored Students. *Thu Dau Mot University Journal of Science*.
13. Nguyen, T. T. H. (2023). Challenges in teaching speaking skills to ethnic minority students at regional universities in Viet Nam. *Journal of Language and Life*.